

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-10-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Lê Quang Xệt

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị P, sinh năm 1981; thường trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Khu dân cư tự phát thuộc Tổ 5, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1978; thường trú: Xóm 4, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Khu dân cư tự phát thuộc Tổ 5, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị P và ông Nguyễn Đình K chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, ngày 21/5/2014. Do bà P với ông K đến với nhau thông qua người mai mối, không có thời gian tìm hiểu nên

khi về chung sống thì vợ chồng sống không hạnh phúc. Ngoài ra, ông K không tu chí làm ăn mà thường xuyên đánh bài. Bà P đã nhiều lần khuyên can nhưng ông K không nghe mà còn đánh bà P. Vợ chồng đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Bà P và ông K đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Võ Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

+ *Về con chung*: Bà P và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/02/2015. Hiện con chung đang ở với bà P. Khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V; bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình K đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

+ Về con chung: Do cháu Nguyễn Ngọc Tường V hiện đang sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Võ Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Đình K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng ông K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông K.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị P và ông Nguyễn Đình K là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, ngày 21/5/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và không có tiếng nói chung về mọi vấn đề trong gia đình, ông K còn có hành vi đánh bà P. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã ly thân. Ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng ông K không đến và không có ý kiến, điều này cho thấy ông K không quan tâm và cũng không có thiện chí để Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà P và ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông K là có cơ sở theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/02/2015. Khi ly hôn bà Võ Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V. Con chung hiện đang sống cùng với bà P. Vì vậy, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V cho bà Võ Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Võ Thị P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 266, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Đình K.

2. Bà Võ Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/02/2015 cho bà Võ Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Võ Thị P và ông Nguyễn Đình K đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị P phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037040 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương. Bà Võ Thị P không phải nộp thêm.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Xệt - Đào Văn Nô

Bùi Thị Hiền

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- THADS thị xã T (01);
- THADS (01);
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền

